

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 17/2018/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 17 tháng 7 năm 2018

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy định về đơn giá bồi thường nhà, vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo Quyết định số 50a/2017/QĐ-UBND ngày 21/8/2017 của UBND tỉnh**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định Chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật nhà ở;

Căn cứ Nghị định số 141/2017/NĐ-CP ngày 07/12/2017 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 05/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2041/TTr-SXD ngày 18/6/2018; Báo cáo thẩm định số 99/BC-STP ngày 18/6/2018 của Sở Tư pháp.

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung Điểm II Mục E Phần I của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 50a/2017/QĐ-UBND ngày 21/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể như sau:

<b>TT</b>	<b>DANH MỤC</b>	<b>ĐVT</b>	<b>ĐƠN GIÁ</b>
<b>E</b>	<b>TRANG (AM) – MỎ MẢ</b>		

TT	DANH MỤC	ĐVT	ĐƠN GIÁ
<b>II</b>	<b>MỒ MẢ</b>		
<b>II.1</b>	<b>Mộ đất</b>		
1	Mộ đất bình thường (có bia đá hặc không có bia đá)	đồng/cái	3.608.000
2	Mộ tập thể (Mộ líp):		
a	Từ 2 - 4 người (mộ đất)	đồng/cái	4.158.000
b	Từ 5 - 10 người (mộ đất)	đồng/cái	6.238.000
c	Mộ tập thể có từ 11 người trở lên, cứ mỗi một người tăng thêm được cộng thêm một khoản tiền vào đơn giá tại điểm b mục 2 này (mộ tập thể từ 5-10 người)	đồng/1 người	386.000
<b>II.2</b>	<b>Mồ mả (Đối với mộ có diện tích &lt; 2,00m<sup>2</sup>)</b>		
1	Mộ xây (KH: M06-01): Móng xây đá chẻ; thân nhà mộ xây gạch, trát vữa và quét vôi toàn bộ.	đồng/cái	4.193.000
2	Mộ xây (KH: M06-02): Móng xây đá chẻ; thân nhà mộ xây gạch, trát vữa, bả ma tít và sơn nước.	đồng/cái	4.342.000
3	Mộ xây (KH: M06-03): Móng xây đá chẻ; thân nhà mộ xây gạch, trát vữa, ốp gạch toàn bộ	đồng/cái	5.022.000
4	Mộ xây (KH: M06-03): Móng xây đá chẻ; thân nhà mộ xây gạch, trát vữa, trát đá mài toàn bộ	đồng/cái	4.725.000
<b>II.3</b>	<b>Mồ mả (Đối với mộ có diện tích ≥ 2,0 m<sup>2</sup> đến &lt; 5,0m<sup>2</sup>)</b>		
1	Mộ xây (KH: M07-01): Móng xây đá chẻ; thân nhà mộ xây gạch, trát vữa và quét vôi toàn bộ	đồng/m <sup>2</sup>	2.232.000
2	Mộ xây (KH: M07-02): Móng xây đá chẻ; thân nhà mộ xây gạch, trát vữa, bả ma tít và sơn nước	đồng/m <sup>2</sup>	2.398.000
3	Mộ xây (KH: M07-03): Móng xây đá chẻ; thân nhà mộ xây gạch, trát vữa, ốp gạch toàn bộ	đồng/m <sup>2</sup>	3.152.000
4	Mộ xây (KH: M07-04): Móng xây đá chẻ; thân nhà mộ xây gạch, trát vữa, trát đá mài toàn bộ	đồng/m <sup>2</sup>	2.822.000
<b>II.4</b>	<b>Mồ mả (Đối với mộ có diện tích mộ ≥ 5m<sup>2</sup>)</b>		
1	Mộ xây (KH: M01): Móng đá chẻ; nhà mồ, thân mồ xây gạch; trát vữa xi măng; nền lát gạch; thân mồ, nhà mồ ốp gạch; mái nhà mồ dán ngói mũi hài.	đồng/m <sup>2</sup>	3.133.000
2	Mộ xây (KH: M02): Móng đá chẻ; nhà mồ, thân mồ xây gạch; toàn bộ trát vữa xi măng; toàn bộ phần mồ trát đá mài.	đồng/m <sup>2</sup>	2.548.000
3	Mộ xây (KH: M03-1): Móng đá chẻ; nhà mồ, thân mồ xây gạch; trát vữa xi măng; nền lát gạch, nhà mồ ốp gạch; phần thân mồ sơn nước.	đồng/m <sup>2</sup>	2.118.000

TT	DANH MỤC	ĐVT	ĐƠN GIÁ
4	Mộ xây (KH: M03-2): Móng đá chẻ; nhà mồ, thân mồ xây gạch; trát vữa xi măng; nền lát gạch, nhà mồ ốp gạch; phần thân mồ quét vôi.	đồng/m <sup>2</sup>	1.868.000
5	Mộ xây (KH: M04): Móng đá chẻ; nhà mồ, thân mồ xây gạch; trát vữa xi măng; nền láng xi măng; nhà mồ, phần thân mồ quét vôi.	đồng/m <sup>2</sup>	1.775.000
6	Mộ xây (KH: M05-01): Móng nhà mồ đá chẻ; nhà mồ xây gạch (không có thân mồ); trát vữa xi măng; nhà mồ, tường ốp gạch.	đồng/m <sup>2</sup>	1.662.000
7	Mộ xây (KH: M05-02): Móng nhà mồ đá chẻ; nhà mồ xây gạch (không có thân mồ); trát vữa xi măng; nhà mồ, tường bả ma tít, sơn nước.	đồng/m <sup>2</sup>	1.394.000
8	Mộ xây (KH: M05-3): Móng nhà mồ đá chẻ; nhà mồ xây gạch (không có thân mồ); trát vữa xi măng; nhà mồ, tường quét vôi.	đồng/m <sup>2</sup>	1.248.000
9	Mộ tập thể (Mộ líp):		
a	Từ 2 - 4 người (mộ xây bình thường: móng đá, tường gạch nền láng xi măng)	đồng/cái	9.355.000
b	Từ 2 - 4 người (mộ xây kiên cố: móng đá, giằng bê tông, tường xây gạch, mộ ốp gạch)	đồng/cái	14.550.000
c	Từ 5 - 10 người (mộ xây bình thường: móng đá, tường gạch nền láng xi măng)	đồng/cái	16.618.000
d	Từ 5 - 10 người (mộ xây kiên cố: móng đá, giằng bê tông, tường xây gạch, mộ ốp gạch)	đồng/cái	25.986.000
e	Trường hợp khác:		
	Mộ tập thể có từ 11 người trở lên, cứ mỗi một người tăng thêm được cộng thêm một khoản tiền vào đơn giá tại điểm c, d mục 9 (mộ tập thể từ 5-10 người) tương ứng, cụ thể:		
	- Đối với mộ quy định tại điểm c khoản 9 cộng thêm:	đồng/1người	989.000
	- Đối với mộ quy định tại điểm d khoản 9 cộng thêm:	đồng/1người	1.550.000

**Điều 2.** Sửa đổi Khoản 12, Phần II của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 50a/2017/QĐ-UBND ngày 21/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể như sau:

12. Trường hợp nhà, công trình xây dựng khác bị phá dỡ một phần, nhưng vẫn tồn tại và sử dụng được phần còn lại thì bồi thường phần giá trị công trình bị phá dỡ và chi phí để sửa chữa, hoàn thiện như sau: Nhà ở, công trình xây dựng phải phá dỡ một phần, ranh giải tỏa cắt sàn và đà ở giữa hai cột chịu lực thì được tính bồi thường phần vật kiến trúc từ ranh giải tỏa vào đến cột chịu lực gần nhất của công trình kiến trúc phải phá dỡ và chi phí để sửa

chữa, hoàn thiện phần còn lại bằng 50% đơn giá xây dựng (theo đơn giá áp dụng cho phần nhà, công trình bị giải tỏa) nhân (x) với diện tích mặt dựng của nhà, công trình trước khi bị phá dỡ.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25/7/2018. Các nội dung khác tại Quyết định số 50a/2017/QĐ-UBND ngày 21/8/2017 của UBND tỉnh Ban hành Quy định về đơn giá bồi thường nhà cửa, vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi không sửa đổi, bổ sung tại Quyết định này vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Trần Ngọc Căng**